**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/TT-NHNN *Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định**

**về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản**

**của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 53/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 18/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 53/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 19/2013/TT-NHNN)**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7a Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng là số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng; Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản là giá mua hoặc số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7a như sau:

“7a. Khoản nợ xấu là khoản nợ được xác định như sau:

a) Nợ xấu của tổ chức tín dụng bao gồm khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán;

b) Nợ xấu mà Công ty Quản lý tài sản đã mua của tổ chức tín dụng nhưng chưa thu hồi được nợ.”.

3. Bổ sung khoản 5 vào Điều 8 như sau:

“5. Việc mua nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản từ tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện theo giá trị thị trường.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả được tổ chức tín dụng xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 20 như sau:

“đ) Các hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu do tổ chức tín dụng định giá hoặc tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đề nghị mua nợ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“**Điều 23. Điều kiện các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua theo giá trị thị trường**

1. Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

2. Được Công ty Quản lý tài sản đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ.

3. Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại hoặc khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ.

4. Trường hợp chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường thì trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó còn phải đáp ứng điều kiện chưa đến hạn thanh toán và đang không bị phong tỏa tại Ngân hàng Nhà nước.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Công ty Quản lý tài sản chỉ được mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường sau khi đã thực hiện các công việc sau đây:

a) Đánh giá khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

b) Xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu, kể cả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó. Công ty Quản lý tài sản phải định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá trị khoản nợ xấu và tài sản đảm bảo;

c) Đánh giá hiệu quả kinh tế, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua khoản nợ xấu;

d) Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng khoản nợ xấu, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và các điều kiện thỏa thuận mua nợ với tổ chức tín dụng bán nợ;

đ) Dự kiến các biện pháp khả thi xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Khi thực hiện chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, thỏa thuận giá mua bán khoản nợ xấu theo giá trị thị trường với tổ chức tín dụng, ký kết hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường và thực hiện như sau:

a) Công ty Quản lý tài sản nhận lại trái phiếu đặc biệt từ tổ chức tín dụng và thực hiện tất toán trái phiếu đặc biệt, số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán; chuyển trả cho tổ chức tín dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng theo quy định, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay theo giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán đối với trường hợp một phần khoản nợ xấu đã được chuyển thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có). Công ty Quản lý tài sản chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay cho tổ chức tín dụng;

b) Công ty Quản lý tài sản thanh toán cho tổ chức tín dụng giá mua bán khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường;

c) Tổ chức tín dụng chuyển trả trái phiếu đặc biệt cho Công ty Quản lý tài sản và nhận thanh toán giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay, số tiền thu hồi nợ theo quy định tại điểm a, b khoản này và xử lý như sau:

(i) Trường hợp giá mua bán khoản nợ, số tiền thu hồi nợ và giá trị của khoản vốn góp, vốn cổ phần nhận được từ Công ty Quản lý tài sản cao hơn mệnh giá trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng hạch toán phần chênh lệch vào thu nhập trong năm tài chính;

(ii) Trường hợp giá mua bán khoản nợ, số tiền thu hồi nợ và giá trị của khoản vốn góp, vốn cổ phần nhận được từ Công ty Quản lý tài sản thấp hơn mệnh giá trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng sử dụng dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt để bù đắp phần chênh lệch. Trường hợp vẫn còn thiếu, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức tín dụng hoàn nhập số tiền dự phòng đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt còn lại sau khi thực hiện quy định tại điểm c(i), c(ii) khoản này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc mua bán khoản nợ xấu theo giá trị thị trường phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản phù hợp với quy định tại Thông tư này, các quy định khác có liên quan. Trường hợp chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường quy định tại khoản 5 Điều này, hợp đồng mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt chấm dứt kể từ thời điểm hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường có hiệu lực. Công ty Quản lý tài sản được thỏa thuận với tổ chức tín dụng phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và chi phí xử lý.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 6, khoản 7 vào Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Công ty Quản lý tài sản tự thực hiện hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá chào bán trong trường hợp chào giá cạnh tranh, giá dự kiến bán nợ trong trường hợp thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ. Trường hợp xét thấy cần thiết, Công ty Quản lý tài sản tham khảo giá mua, bán các khoản nợ xấu có tính chất tương đồng trên thị trường (nếu có) để xác định giá chào bán, giá dự kiến bán nợ.

Trường hợp bán đấu giá khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản.”.

b) Bổ sung khoản 6, khoản 7 như sau:

“6. Công ty quản lý tài sản bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ xấu.

7. Công ty quản lý tài sản được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân.”.

9. Sửa đổi tiết (ii) điểm c khoản 2 Điều 36 như sau:

“(ii) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật các tổ chức tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật các tổ chức tín dụng, có giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định (khi tính toán các tỷ lệ, giá trị thực của vốn điều lệ nêu trên, phải bao gồm cả giá trị khoản vốn góp, vốn cổ phần được chuyển từ khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt) tại thời điểm có văn bản theo quy định tại điểm b khoản này”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 38 như sau:

“4. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm, Công ty Quản lý tài sản phải tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị thị trường của tài sản bảo đảm làm cơ sở bù trừ nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ.”.

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 47a như sau:

“2. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12 Công ty Quản lý tài sản tiến hành định giá lại tài sản bảo đảm của từng khoản nợ, xác định số tiền phải trích lập dự phòng của năm đối với từng khoản nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện:

a) Trường hợp số tiền dự phòng phải trích của năm trích lập nhỏ hơn số dư dự phòng đã trích lập, Công ty Quản lý tài sản được hoàn nhập phần chênh lệch thừa.

b) Trường hợp số tiền dự phòng phải trích của năm trích lập lớn hơn số dư dự phòng đã trích lập, Công ty Quản lý tài sản phải trích bổ sung phần chênh lệch thiếu.”.

**Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản tại một số điều Thông tư số 19/2013/TT-NHNN như sau:**

1. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 26.

2. Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 47b.

3. Bãi bỏ điểm c khoản 4a Điều 50.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Ban lãnh đạo NHNN;  - Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);  - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);  - Cổng thông tin điện tử NHNN;  - Lưu VP, PC, TTGSNH1. | **THỐNG ĐỐC** |